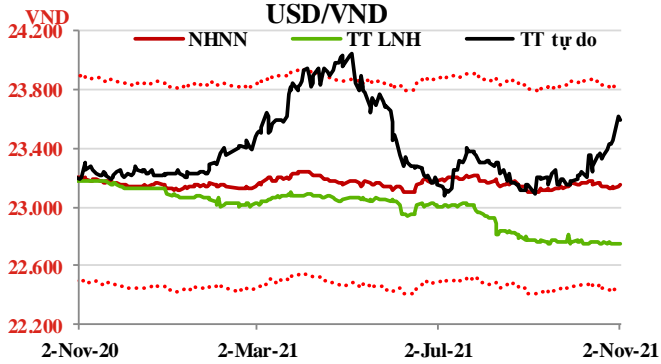


Tin trong nước ngày 02/11

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 02/11, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.150 VND/USD, tăng tiếp 10 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 22.750 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.795 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.749 VND/USD, giảm nhẹ 01 đồng so với phiên 01/11. Tỷ giá trên thị trường tự do giao dịch tại 23.520 VND/USD ở chiều mua vào và 23.600 VND/USD ở chiều bán ra.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 02/11, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn 1W so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,66%; 1W 0,78%; 2W 0,89 và 1M 1,17%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,18%; 2W 0,23%, 1M 0,31%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở kỳ hạn 5Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,72%; 5Y 0,82%; 7Y 1,22%; 10Y 2,15%; 15Y 2,40%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường chứng khoán tích cực khi sắc xanh chiếm ưu thế hơn ở nhóm vốn hóa lớn, giúp kéo các chỉ số lên trên mốc tham chiếu. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 13,49 điểm (+0,94%) lên 1.452,46 điểm; HNX-Index tăng 8,57 điểm (+2,06%) lên 424,11 điểm; UPCoM-Index tăng 0,98 điểm (+0,92%) lên 106,93 điểm. Thanh khoản thị trường giảm so với phiên đầu tuần nhưng vẫn mức cao với tổng giá trị giao dịch đạt trên 35.700 tỷ VND. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh hơn 1.145 tỷ VND trên cả ba sàn.
- Bộ Tài chính đang dự thảo trình Quốc hội dự toán ngân sách năm 2022.** Dự toán xây dựng trên cơ sở dự kiến GDP 6-6,5% so với năm nay, CPI tăng bình quân 4%, XK tăng 5,2%, giá dầu thô khoảng 60 USD/thùng. Bộ Tài chính dự kiến tổng thu NSNN 2022 khoảng 1,41 triệu tỷ đồng, tăng 3,4% so với ước tính thực hiện năm 2021. Chi NSNN dự kiến khoảng 1,78 triệu tỷ đồng, tăng 4,5% so dự toán năm 2021. Trong đó, chi ĐTPT chiếm 29,5% tổng chi NSNN (tăng 10% so với năm 2021); chi trả nợ chiếm khoảng 5,8% tổng chi, giảm 5,8%; chi thường xuyên khoảng 1,11 triệu tỷ đồng, chiếm 62,2% tổng chi NSNN, tăng hơn 5% so với dự toán năm nay. Phần tăng chi chủ yếu bố trí hỗ trợ lực lượng phòng chống dịch COVID-19, hỗ trợ an sinh, tăng lương hưu, trợ cấp người có công... Năm 2022, Bộ Tài chính dự kiến mức bội chi là 372.900 tỷ đồng, khoảng 4% GDP (bằng tỷ lệ dự toán 2021). Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ khoảng 21 - 22% tổng thu NSNN. Đến cuối năm 2022, nợ công khoảng 43 - 44% GDP.



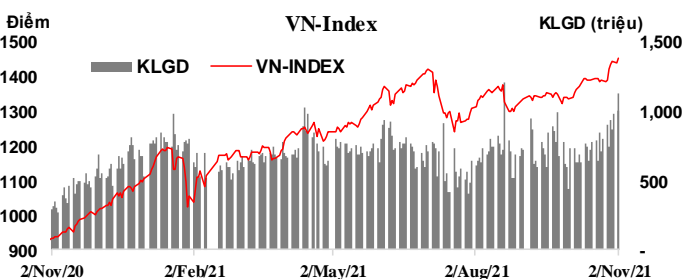
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.66	-0.01	0.15	0.00	3Y	0.72	-0.006
1W	0.78	0.00	0.18	0.00	5Y	0.82	0.000
2W	0.89	-0.01	0.23	0.00	7Y	1.22	-0.001
1M	1.17	-0.01	0.31	0.00	10Y	2.15	-0.004
2M	1.44	0.00	0.41	0.00	15Y	2.40	-0.002
3M	1.58	-0.01	0.53	-0.01			
6M	1.80	0.00	0.83	0.01			
9M	2.41	0.02	1.14	0.04			
1Y	2.91	0.12	1.20	0.03			

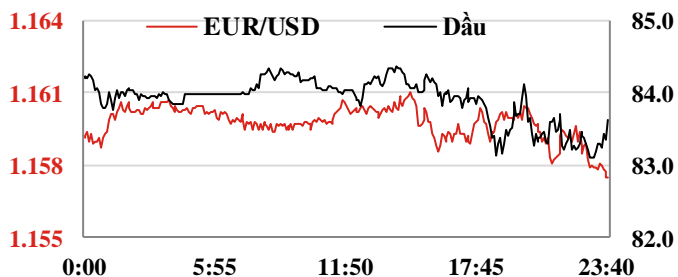
Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)

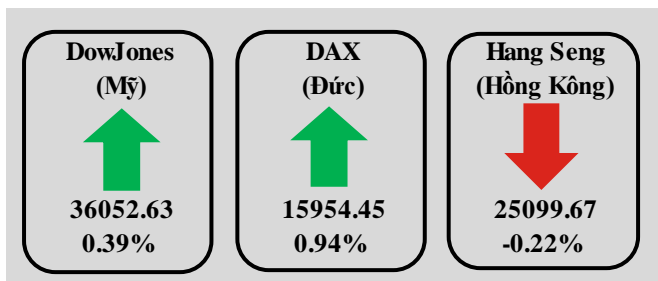
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
02-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
01-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
29-10-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1452.46	424.11	106.93
%/ngày	0.94%	2.06%	0.92%
%/31/12/2020	31.58%	108.8%	43.6%
KLGD (tr.d.v)	1009.46	178.22	125.8
GTGD (tỷ đ)	28851.70	4292.41	2559.63
NĐINN mua (tỷ đ)	1049.16	16.28	0.51
NĐINN bán (tỷ đ)	2168.44	40.22	1.95





	2 Nov 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	94.09	0.22%	0.15%	4.62%
USD/CNY	6.40	0.04%	0.27%	-1.92%
USD/EUR	0.86	0.25%	0.16%	5.49%
USD/JPY	113.95	-0.03%	-0.17%	10.37%
USD/KRW	1178.48	0.09%	0.90%	8.67%
USD/SGD	1.35	0.04%	0.07%	2.13%
USD/TWD	27.88	0.13%	0.34%	-0.68%
USD/THB	33.26	-0.09%	0.18%	10.72%
USD/VND Trung tâm	23150	0.04%	0.09%	0.08%
USD/VND LNH	22749	-0.004%	-0.04%	-1.47%
USD/VND tự do	23520	0.00%	0.68%	0.94%
Vàng	1787.28	-0.32%	-0.30%	-5.76%
Dầu	83.91	-0.17%	-0.87%	72.94%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0721	0.0045		
SW	0.0734	-0.0009		
1M	0.0809	-0.0003	0.3000	0.0000
2M	0.1135	0.0071		
3M	0.1450	0.0041	0.4350	0.0000
6M	0.2208	0.0099	0.5916	0.0000
1Y	0.3584	-0.0089	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 01/11/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	02/11/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	16/12/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	04/11/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/12/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	07/12/2021

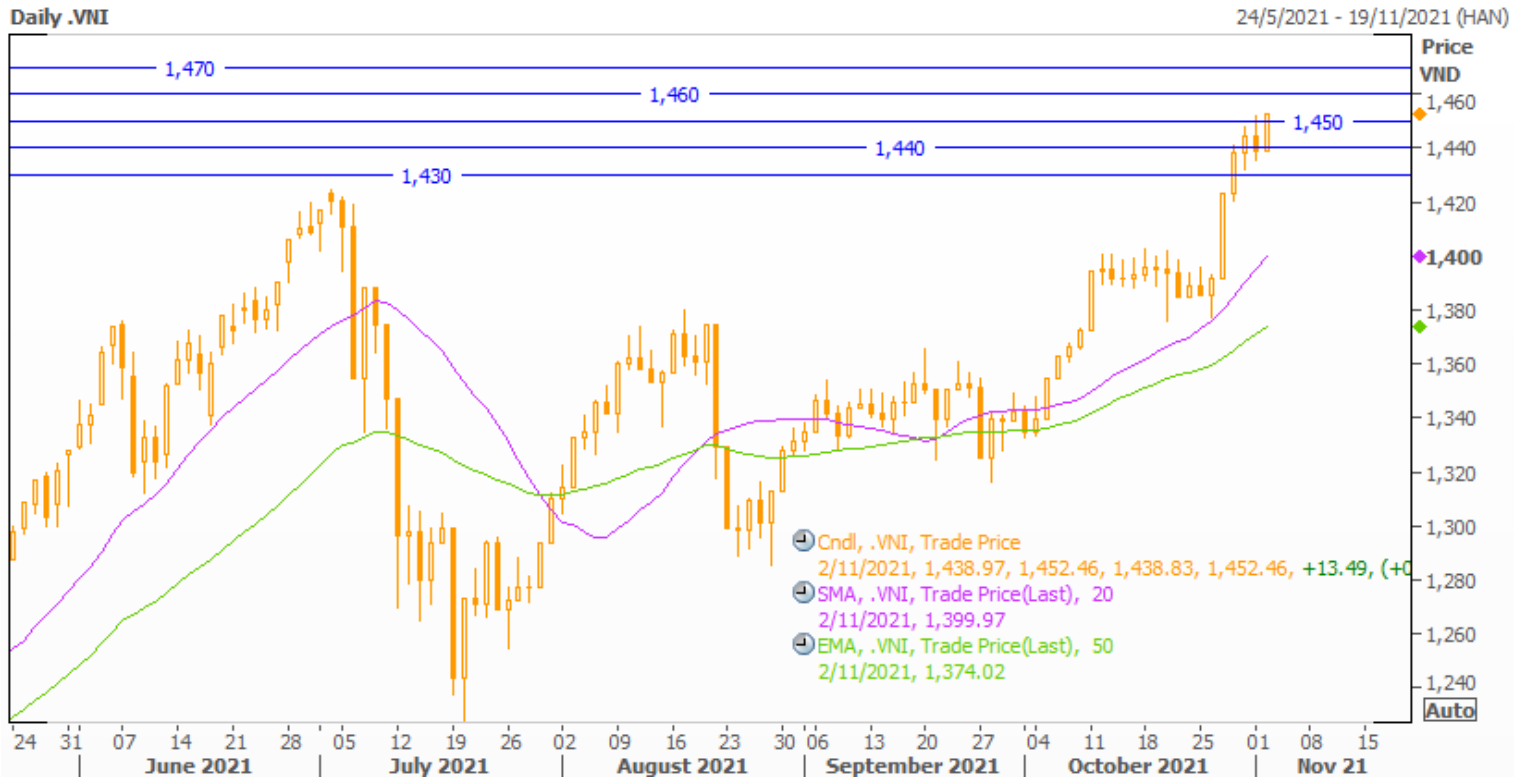
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- PMI lĩnh vực sản xuất tại khu vực Eurozone điều chỉnh nhẹ.**
 IHS Markit cho biết PMI lĩnh vực sản xuất tại Eurozone chính thức ở mức 58,3 điểm trong tháng 10, điều chỉnh xuống so với mức 58,5 điểm theo khảo sát sơ bộ, đồng thời thấp hơn mức 58,6 điểm của tháng 9. Tại nước Đức, PMI lĩnh vực sản xuất chính thức ở mức 57,8 điểm trong tháng 10, điều chỉnh xuống từ mức 58,2 điểm theo sơ bộ và thấp hơn mức 58,4 điểm của tháng 9. IHS Markit cho biết nguyên nhân chính khiến nền sản xuất của Eurozone chững lại là do giá nguyên liệu đầu vào liên tiếp leo thang.
- NHTW Úc RBA không thay đổi CSTT trong phiên họp tháng 11.**
 Cụ thể, trong phiên họp hôm qua, ngày 02/11, RBA dự báo GDP của nước Úc tăng 3,0% trong năm 2021 và sau đó sẽ tăng 5,5% trong vòng hai năm tiếp theo. Các bất ổn đối với triển vọng kinh tế vẫn đang hiện hữu và chủ yếu phụ thuộc vào sức khỏe của cộng đồng. RBA cho biết sẽ tiếp tục duy trì LSCS ở mức 0,1%; không thay đổi so với trước. Bên cạnh đó RBA quyết định duy trì mua TPCP ở mức 4 tỷ AUD/tuần, ít nhất cho tới giữa năm 2022. Cơ quan này cam kết sẽ không tăng LSCS cho tới khi đạt được lạm phát mục tiêu ổn định trong ngưỡng 2% tới 3%. Cuối cùng, RBA dự báo lạm phát sẽ không cao hơn mức 2,5% vào cuối năm 2023.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
02-11	10:30	***	LSCS NHTW Úc RBA	0.1	0.1	0.1
02-11	15:55	*	PMI chính thức lĩnh vực sản xuất Đức T10	57.8	58.2	58.2
02-11	15:55	*	PMI chính thức lĩnh vực sản xuất Eurozone T10	58.3	58.5	58.5
03-11	7:30	*	Số cấp phép xây dựng tại Úc mm T9		-2.0	6.8
03-11	16:30	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Anh T10		58.0	58.0
03-11	17:00	*	Tỷ lệ thất nghiệp tại Eurozone T9		7.4	7.5
03-11	19:15	***	Số việc làm thay đổi khu vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T10		400K	568K
03-11	21:00	***	PMI lĩnh vực dịch vụ ISM Mỹ T10		61.9	61.9
03-11	21:00	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại Mỹ mm T9		-0.2	1.2

VN-INDEX



VN-Index tăng tích cực mức 1452,46 điểm. Dự báo, trong vài phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.440 – 1.430

Ngưỡng kháng cự: 1.460 – 1.470

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn